

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HSST
Ngày 29/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng
Ông Nguyễn Quốc Sửu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vi Thị L3 Phương, Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: ông
Dương Đức Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh
Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2017/HSST
ngày 10/11/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và
chỗ ở: thôn T1, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn
hoá: 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông:
Nguyễn Văn T2, sinh năm 1948; Con bà: Vũ Thị L1, sinh năm 1949; Chồng:
Nguyễn Văn L2 sinh năm 1969 (đã ly hôn); Con: Có một con, sinh năm 1992;
Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: không;

- Nhân thân: Tại bản án số 40/2008/HSST ngày 16/9/2008 của Tòa án
nhân dân huyện T đã xử phạt Nguyễn Thị H 30 tháng tù về tội Chứa mại dâm,
chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2010, chấp hành xong phần án phí và
hình phạt bổ sung ngày 20/01/2009.

- Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2017, hiện đang tạm
giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Hải Đ - sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T2, xã V, huyện T, Bắc Giang;

- Chị Nguyễn Thị L3 (Nguyễn Thị L3 A)- sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: khu V1, phường V2, thành phố B1, tỉnh Bắc Ninh;

Nơi ở hiện nay: khu V3, phường Đ, thành phố B2, tỉnh Bắc Giang;

- Chị Hoàng Thị T3 - sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn L4, xã D, huyện V4, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở: thôn T1, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 10/8/2017, Nguyễn Thị H sinh năm 1969 trú tại thôn T1, xã Q, huyện T đang ở quán cà phê H1 của mình ở thôn T1, xã Q, huyện T thì có Trần Hải Đ sinh năm 1979 ở thôn T2, xã V, huyện T (lúc mới bị bắt khai tên là Trần Quốc K sinh năm 1978 trú tại tổ X, phường S, thành phố B2) và một người thanh niên tự khai tên là Nguyễn Văn B sinh năm 1976 trú tại thôn Đ, xã T4, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đến quán uống nước. Khi đang uống nước thì Đ bảo với H: “Gọi cho em hai đĩa nhân viên” (H hiểu là Đ muốn gọi gái bán dâm để mua dâm) thì H đồng ý. H lấy điện thoại gọi cho gái bán dâm là Nguyễn Thị L3 sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú ở khu V1, phường V2, thành phố B1 hiện ở khu V3, phường Đ, thành phố B2 và bảo: “L3 ơi, lên đi khách” (L3 hiểu ý H bảo đến chỗ H để đi bán dâm) thì L3 đồng ý. Sau đó H nói với Hoàng Thị T3 sinh năm 1991 trú tại thôn L4, xã D, huyện V4, tỉnh Thái Nguyên là nhân viên của quán (T3 đến ở tại quán cà phê H1 từ ngày 06/8/2017, H và T3 thỏa thuận khi có khách đến muốn mua dâm thì H sẽ bảo T3, H sẽ thu tiền của khách, mỗi lần bán dâm thì H cho T3 100.000 đồng còn lại H giữ): “Các chú ấy muốn đi văn nghệ có đi được không thì bảo các chú ấy” (T3 hiểu là đi bán dâm cho khách) thì T3 đồng ý. Trong khi chờ L3 đến thì Đ và H thỏa thuận với nhau 300.000 đồng một lần mua bán dâm, Đ đồng ý và đưa cho H 600.000 đồng. Khoảng 10 phút sau thì L3 đến, H đưa cho L3 số tiền 300.000 đồng trong đó có 200.000 đồng là tiền L3 bán dâm cho khách còn 100.000 đồng để L3 thanh toán tiền nhà nghỉ còn H giữ lại 300.000 đồng (trong đó có 200.000 đồng là tiền H hưởng lợi từ việc môi giới bán dâm cho T3 và L3 còn 100.000 đồng là tiền bán dâm của T3 sau khi T3 bán dâm về sẽ đưa cho T3), số tiền trên L3 đã chi tiêu cá nhân hết. Sau đó Đ, T3, L3 và B đến nhà nghỉ B3 thuộc thôn T1, xã Q, huyện T của chị Phạm Thị Kh sinh năm 1975 trú tại thôn T1, xã Q, huyện T để thực hiện hành vi mua bán dâm. Khi đến nhà nghỉ B3 thì L3 đưa cho T3 số tiền 100.000 đồng để mua bán dâm xong thì thanh toán tiền phòng cho nhà nghỉ, sau đó Đ và T3 vào phòng 102 còn Bắc và L3 vào phòng 103 của nhà nghỉ B3 để thực hiện hành vi mua bán dâm.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày 10/8/2017, khi Đ, T3, Bắc và L3 đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 102 và 103 của nhà nghỉ B3 thì bị lực lượng Công an huyện T kiểm tra hành chính bắt quả tang. Vật chứng thu giữ bao gồm:

- 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng của Hoàng Thị T3 tại phòng 102;
- 01 (một) điện thoại Masstel vỏ màu đen của Nguyễn Thị L3;
- 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng của Nguyễn Thị L3;
- 01 (một) chiếc bao cao su cùng vỏ nhãn hiệu Doctor đã qua sử dụng thu giữ tại giường ngủ trong phòng 102 được niêm phong trong phong bì thư kí hiệu “P102”;
- 01 (một) chiếc bao cao su cùng vỏ nhãn hiệu IDA đã qua sử dụng thu giữ tại giường ngủ trong phòng 103 được niêm phong trong phong bì thư kí hiệu “P103”;

Ngày 10/8/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Thị H, quá trình bắt khẩn cấp đã thu giữ 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung màu đen của Nguyễn Thị H. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Nguyễn Thị H. Kết quả không phát hiện và thu giữ gì.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai nhận mục đích H thực hiện hành vi môi giới mại dâm cho T3 và L3 bán dâm cho Đ và Bắc là để hưởng lợi số tiền 200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 62/KSĐT ngày 09/11/2017 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm e khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2, 5 Điều 255, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, áp dụng Khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 328 BLHS 2015, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt Nguyễn Thị H từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/8/2017. Phạt tiền bổ sung để sung công quỹ nhà nước. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi môi giới mại dâm như bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không tranh luận mà chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay là phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1969, trú tại thôn T1, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã có hành vi dẫn dắt, môi giới cho hai đôi nam nữ là Trần Hải Đ sinh năm 1979 trú tại thôn T2, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang với Hoàng Thị T3, sinh năm 1991 trú tại thôn L4, xã D, huyện V4, tỉnh Thái Nguyên và đối tượng tự khai Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 trú tại thôn Đ, xã T4, huyện Y, tỉnh Bắc Giang với Nguyễn Thị L3, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú ở khu V1, phường V2, thành phố B1, hiện ở khu V3, phường Đ, thành phố B2. Để được bị cáo dẫn dắt, môi giới mại dâm, Trần Hải Đ đã đưa cho bị cáo 600.000 đồng, trong đó bị cáo đã đưa cho Nguyễn Thị L3 300.000 đồng, còn giữ lại 300.000 đồng. Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 10/8/2017, khi Trần Hải Đ đang thực hiện hành vi mua bán dâm với Hoàng Thị T3 tại phòng 102 và Nguyễn Văn B đang thực hiện hành vi mua bán dâm với Nguyễn Thị L3 tại phòng 103 của nhà nghỉ B3 thuộc thôn T1, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang thì bị Công an huyện T kiểm tra hành chính và phát hiện các đối tượng trên đang thực hiện hành vi mua bán dâm nên đã lập biên bản và thu giữ vật chứng của vụ án.

Khi thực hiện hành vi môi giới mại dâm, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm”, tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Thị H là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ mà còn tạo điều kiện để tệ nạn mại dâm phát triển, làm ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc gia đình, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Do đó phải áp dụng hình phạt tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: không có

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ của bị cáo đã được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt đồng thời vận dụng khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự 2015, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để áp dụng khung hình phạt có lợi cho bị cáo từ 03 - 07 năm tù.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội “Chứa mại dâm” đã được xóa án tích nay lại phạm tội “Môi giới mại dâm” chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục nên cần áp dụng Điều 33 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt tù cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, hiện nay bị cáo có tài sản để thi hành án nên áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Đối với đối tượng tự khai tên là Nguyễn Văn B sinh năm 1976 ở thôn Đ, xã T4, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, quá trình làm việc với Cơ quan điều tra lợi dụng sơ hở B đã bỏ trốn. Qua xác minh tại Công an xã T4, huyện Y đã xác định không có đối tượng nào có tên tuổi như trên nên Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến đối tượng Bắc ra khỏi hồ sơ vụ án, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi bán dâm của Hoàng Thị T3 và Nguyễn Thị L3, ngày 19/10/2017 Trưởng Công an huyện T đã ra quyết định xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền là 200.000 đồng đối với mỗi người là đúng pháp luật.

Đối với hành vi mua dâm của Trần Hải Đ, ngày 19/10/2017 Trưởng Công an huyện T đã ra quyết định xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền là 750.000 đồng là đúng pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 trú tại thôn B, xã Q, huyện T là người đã cho Đ, Bắc, T3 và L3 thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ B3. Chị N được mẹ ruột là chị Phạm Thị Kh - chủ nhà nghỉ B3 nhờ trông coi nhà nghỉ hộ khi chị Kh đi vắng. Do không biết việc Đ, B, T3 và L3 thuê phòng để thực hiện việc mua bán dâm nên chị N không vi phạm pháp luật

Đối với số tiền 300.000 đồng (gồm 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng) thu giữ trong quá trình kiểm tra hành chính nhà nghỉ B3, quá trình điều tra xác định đây là số tiền mà

Hoàng Thị T3 và Nguyễn Thị L3 bán dâm có được, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Khi môi giới mại dâm cho các đối tượng, bị cáo đã thu của các đối tượng 600.000đồng, trong đó đã đưa cho L3 300.000 đồng, còn lại 300.000đồng là tiền thu lợi bất chính cần truy thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại Masstel vỏ màu đen của Nguyễn Thị L3 và 01 (một) điện thoại Sam Sung màu đen của Nguyễn Thị H, quá trình điều tra đã xác định được đây là công cụ mà H và L3 đã dùng để liên lạc cho nhau về việc bán dâm, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc bao cao su cùng vỏ nhãn hiệu Doctor đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì thư kí hiệu “P102” và 01 chiếc bao cao su cùng vỏ nhãn hiệu IDA đã qua sử dụng thu giữ được niêm phong trong phong bì thư kí hiệu “P103” lần lượt được thu giữ tại giường ngủ trong phòng 102 và 103 của Nhà nghỉ B3 là các vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Môi giới mại dâm”.

2. Áp dụng điểm e khoản 2, 5 Điều 255; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Khoản 3 Điều 7; Khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/8/2017. Phạt tiền bổ sung 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng đang thu giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tại Kho bạc nhà nước huyện T.

- Tịch thu sung công quỹ 01 (một) điện thoại Masstel vỏ màu đen đã cũ, không kiểm tra chất lượng máy, có số IMEI 357012067965818 và 01 (một) điện thoại Samsung màu đen đã cũ, không kiểm tra chất lượng máy, có số IMEI 352614/06/020357/9.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bao cao su cùng vỏ nhãn hiệu Doctor đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì thư kí hiệu “P102” và 01 chiếc bao cao su cùng vỏ nhãn hiệu IDA đã qua sử dụng thu giữ được niêm phong trong phong bì thư kí hiệu “P103”.

- Truy thu của bị cáo số tiền thu lợi bất chính là 300.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo Nguyễn Thị H không nộp được số tiền phạt bổ sung và tiền thu lợi bất chính nêu trên thì hàng năm còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- THADS huyện T;
- Bị cáo, đương sự vắng mặt;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng